

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quân và bà Nguyễn Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Bảng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế - 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 13/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Thanh Nhật A, sinh năm 1995, địa chỉ: 8254 V, S, CA 95828, USA (Hoa Kỳ), có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: số 11 đường A, thôn C, xã H, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của anh Phan Thanh Nhật A cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có tại hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Phan Thanh Nhật A và chị Nguyễn Thị T sau thời gian quen thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20 tháng 7 năm 2018. Sau kết hôn hai vợ chồng sống chung được một tháng thì anh A trở về Hoa Kỳ làm việc. Đầu năm 2019, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên có lối sống khác biệt và bất đồng về quan điểm, đồng thời do sự khác biệt về địa lý, chênh lệch về thời gian nên vợ chồng ít nói chuyện, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Dù đã cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm nhưng

không có kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh A xin được ly hôn với chị T.

Về con chung: anh Phan Thanh Nhật A khai có 01 con chung là Phan H, sinh ngày 10/01/2017. Hiện nay cháu H đang sống cùng chị T nên anh Phan Thanh Nhật A có nguyện vọng giao cháu H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành và anh A tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H 5.000.000(năm triệu) đồng.

Về tài sản và nợ chung: Anh Phan Thanh Nhật A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Phan Thanh Nhật A đang ở Hoa Kỳ nên anh Anh không có điều kiện về Việt Nam, anh A xin Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh A có Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Tại Bản tự khai ngày 03/3/2023, chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Chị T và anh A sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20 tháng 7 năm 2018. Sau kết hôn, ngày 08/8/2018 anh A Hoa Kỳ cho đến nay. Nay anh Phan Thanh Nhật A xin ly hôn thì chị T đồng ý ly hôn với anh A do rất khó có khả năng đoàn tụ với chồng.

Về con chung: Chị T trình bày có 01 con chung là cháu Phan H, sinh ngày 10/01/2017. Nếu ly hôn, chị T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con 5.000.000(Năm triệu) đồng/ tháng như anh H tự nguyện cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung, chị T trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc và nuôi con nhỏ, không có điều kiện đi lại, nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Về kiểm sát tuân theo pháp luật về tố tụng và về nội dung giải quyết vụ án, tại phiên tòa Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế có ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng trong vụ án đều tuân theo pháp luật tố tụng dân sự không vi phạm gì cần phải kiến nghị để khắc phục. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho anh Phan Thanh Nhật A được ly hôn với chị Nguyễn Thị T. Giao cháu Phan H cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh A cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Phan Thanh Nhật A và chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A và chị T theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh Nhật A và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp tại Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 20 tháng 7 năm 2018. Sau kết hôn, vợ chồng sống chung được một tháng thì anh A trở về Hoa Kỳ làm việc cho đến nay. Đầu năm 2019, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do hai bên có lối sống khác biệt và bất đồng về quan điểm, đồng thời do sự khác biệt về địa lý, chênh lệch về thời gian nên vợ chồng ít nói chuyện, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Dù đã cố gắng giải quyết những bất đồng và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Tình cảm phai nhạt dần anh A xin Tòa án cho ly hôn với chị T và chị T cũng đồng ý.

Xét tình cảm vợ chồng giữa anh A và chị T không còn, điều kiện để hai bên đoàn tụ, thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng là không thể thực hiện được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận cho anh A được ly hôn với chị T là phù hợp với pháp luật.

- Về con chung: anh A và chị T đều xác nhận có 01 con chung là cháu Phan H, sinh ngày 10/01/2017. Cháu H hiện nay đang sống cùng chị T, anh A có nguyện vọng giao cháu H cho chị T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000(Năm triệu) đồng/ tháng. Chị T cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Phan Thanh Nhật A và chị Nguyễn Thị T đều xác nhận không có và không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm, anh A phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí cấp dưỡng, anh A phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477, Điều 478, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84, Điều 110, Điều 116, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phan Thanh Nhật A được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Phan H, sinh ngày 10/01/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành. Anh Phan Thanh Nhật A cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Phan Thanh Nhật A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: anh Phan Thanh Nhật A và chị Nguyễn Thị T cùng xác định không có và không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: anh Phan Thanh Nhật A phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Biên lai thu tiền số: AA/2021/0000226 ngày 06/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế), anh A không phải nộp thêm.

5. Về án phí cấp dưỡng: anh Phan Thanh Nhật A phải chịu 300.000 đồng.

Bản án này là sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Thanh Nhật A đang ở nước ngoài có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Cục THADS tỉnh TT Huế;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Hồng Vân